

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH TH
TỈNH GI L**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 13/7/2021

V/v: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH TH, TỈNH GI L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nay Chók và ông Đỗ Xuân Ua.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Thới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ph th, tỉnh Gi l ghi biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph th, tỉnh Gi l tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ph th, tỉnh Gi l, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **33/2020/TLST - DS** ngày 04/11/2020; về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07a/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021; giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Xuân A, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: số nhà 163 đường Hùng Vương, tổ dân phố 8, thị tra Ph th, huyện Ph th, tỉnh Gi l (có mặt).

Bị đơn: ông Vũ Tiến Đ, sinh năm: 1968 và bà Tống Thị T;

Địa chỉ: Điều trú tại tổ dân phố 8, thị tra Ph th, huyện Ph th, tỉnh Gi l (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân A trình bày: Ngày 14/5/2018 ông Vũ Tiến Đ và bà Tống Thị T cùng ở tổ dân phố 8, thị tra Ph th, huyện Ph th, tỉnh Gi l; có mua bán phân bón để trồng trọt và vay tiền của gia đình tôi nhiều năm nay, tổng số tiền ông Đ bà T nợ gia đình tôi tính đến ngày 14/5/2018 là 30.000.000đồng; ông Đ bà T hứa sẽ trả tiền đầy đủ vào ngày 14/6/2018, nhưng không thực hiện như cam kết, mặc dù gia đình tôi đến trực tiếp rồi qua điện thoại rất nhiều lần nhưng ông Đ bà T vẫn không trả, mà cứ khát lần; mãi đến ngày 08/02/2021 thì ông Đ bà T trả tiếp được 10.000.000đồng, vậy yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Tiến Đ và bà Tống Thị T phải trả tôi số tiền chưa trả và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Tôi yêu cầu giải quyết theo quy định.

Đối với bị đơn ông Vũ Tiến Đ và bà Tống Thị T: Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đ các văn bản tố tụng cho ông Vũ Tiến Đ và bà Tống Thị T theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Đ bà T không viết bản khai, không ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án; sau nhiều lần triệu tập nhưng ông Đ bà T không có mặt, vẫn không khai báo, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục không tổng đ được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: T báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, T báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên Tòa tại địa chỉ và nơi ở của ông Đ bà T; Ủy ban nhân dân thị tra và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Đ bà T vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph th, tỉnh Gi l phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 465; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, t báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận... và hòa giải, các bước tổng đ quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội dung quan hệ Hợp đồng vay tài sản là đúng, nguyên đơn yêu cầu đòi 30.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 14/6/2018 đến ngày 08/02/2021 và 20.000.000đồng tính lãi suất theo quy định từ ngày 09/02/2021 đến ngày 13/7/2021 là có cơ sở.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất quá hạn, nên đại diện Viện kiểm sát chỉ tính lãi suất theo nội dung đơn khởi kiện về số tiền và thời gian yêu cầu cụ thể: Từ ngày 15/6/2018 đến ngày 08/02/2021 là 2 năm 7 tháng 23 ngày; $30.000.000\text{đồng} \times (0,9\%/năm \times 2 \text{ năm}) + (0,75\%/tháng \times 7 \text{ tháng}) + (0.025\%/ngày \times 23\text{ngày}) = 5.400.000\text{đồng} + 1.575.000\text{đồng} + 172.500\text{đồng} = 7.147.500\text{đồng}$.

Từ ngày 09/02/2021 đến ngày 13/7/2021 là 05 tháng 04 ngày; $20.000.000\text{đồng} \times (0,75\%/tháng \times 5 \text{ tháng}) + 0,025\%/ngày \times 04 \text{ ngày} = 750.000\text{đồng} + 20.000\text{đồng} = 770.000\text{đồng}$.

Tổng cộng $7.147.500\text{đồng} + 770.000\text{đồng} = 7.917.500\text{đồng}$.

Về án phí: bà T ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: $27.917.500\text{đồng} \times 5\% = 1.396.000\text{đồng}$. Hoàn trả lại ông Nguyễn Xuân A số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra

tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đ, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục tổng đ hợp lệ các văn bản tố tụng; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: ông Vũ Tiến Đ và bà Tống Thị T có nợ và vay của ông Nguyễn Xuân A số tiền là 30.000.000đồng là có thật, thời điểm đối chiếu là ngày 14/5/2018 ngày hẹn trả 14/6/2018 sẽ thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận, nhưng đến hẹn ông A đòi nhiều lần ông Đ bà T không trả; đến ngày 08/02/2021 thì ông Đ bà T trả thêm được 10.000.000đồng, do không thực hiện đúng theo cam kết, nên ông A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ bà T phải trả số tiền 20.000.000đồng theo quy định.

Xét giao dịch dân sự giữa ông A và ông Đ bà T được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, các bên không thể hiện về lãi suất của số tiền phải trả, nhưng các bên đã thỏa thuận về thời gian và số tiền phải trả; do phía bị đơn không thực hiện đúng cam kết, nên bên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 9%/năm theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa ông A không yêu cầu giải quyết về lãi suất quá hạn, mà chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định, nên giao dịch trên có hiệu lực pháp luật.

Trong nội dung giấy nợ và vay tiền hai bên không ghi cụ thể phần trăm tính lãi suất mà chỉ tự thỏa thuận bằng miệng với nhau và thời gian trả sau 01 tháng, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông A chỉ yêu cầu giải quyết về lãi suất theo quy định là 0,9%/năm. Hội đồng xét xử; xét tại phiên tòa bị đơn không tham gia tố tụng, bên bị đơn không thực hiện đúng như cam kết đã thỏa thuận về thời gian trả tiền đối với bên nguyên đơn; căn cứ công văn số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 quy định về lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm để làm căn cứ tính lãi suất theo yêu cầu tính lãi suất của ông A là có cơ sở, không trái đạo đức xã hội không trái pháp luật về thời gian và lãi suất vay; Hội đồng xét xử, xét có cơ sở để làm căn cứ tính lãi suất cụ thể:

Từ ngày 15/6/2018 đến ngày 08/02/2021 là 2 năm 7 tháng 23 ngày;
 $30.000.000\text{đồng} \times (0,9\%/năm \times 2\text{ năm}) + (0,75\%/tháng \times 7\text{ tháng}) + (0,025\%/ngày \times 23\text{ ngày}) = 5.400.000\text{đồng} + 1.575.000\text{đồng} + 172.500\text{đồng} = 7.147.500\text{đồng}.$

Từ ngày 09/02/2021 đến ngày 13/7/2021 là 05 tháng 04 ngày; $20.000.000\text{đồng} \times (0,75\%/tháng \times 5\text{ tháng}) + 0,025\%/ngày \times 04\text{ ngày} = 750.000\text{đồng} + 20.000\text{đồng} = 770.000\text{đồng}.$

Tổng cộng $7.147.500\text{đồng} + 770.000\text{đồng} = 7.917.500\text{đồng}.$

[3] *Về án phí*: ông Đ và bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: $27.917.500\text{đồng} \times 5\% = 1.396.000\text{đồng}$

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 465; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân A.

Buộc: ông Vũ Tiến Đ và bà Tống Thị T phải trả ông Nguyễn Xuân A số tiền là 27.917.500 đồng (*hai mươi bảy triệu, chín trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng*); “*Trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc và 7.917.500 đồng tiền lãi*”.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Vũ Tiến Đ và bà Tống Thị T phải nộp 1.396.000 đồng (*Một triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Xuân A số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí trước đây, theo biên lai thu số 0007473 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph th, tỉnh Gi l.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/7/2021) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng ông Đ và bà T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú lên Tòa án nhân dân tỉnh Gi l để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Ph th;
- Chi cục THADS.H Ph th;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Ruyệt